



## Bài báo nghiên cứu

# NƯỚC ANH VỚI TIẾN TRÌNH NHẤT THỂ HÓA CHÂU ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

*Phan Văn Cả*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phan Văn Cả – Email: [hueminhphan@hcmussh.edu.vn](mailto:hueminhphan@hcmussh.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 28-02-2023; ngày nhận bài sửa: 16-3-2023; ngày duyệt đăng: 27-4-2023*

### TÓM TẮT

Bài viết này góp phần lí giải những nhân tố tác động đến giới chính trị và công chúng Anh đối với tiến trình nhất thể hóa châu Âu giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nước Anh không muốn trở thành một thành viên của tiến trình nhất thể hóa này ngay từ những ngày đầu tiên. Từ một đế chế hùng mạnh nhất trở thành một nước có sức mạnh trung bình, Anh dần rơi vào trạng thái khủng hoảng bản sắc. Khi vai trò đại cường quốc mất đi, Anh phải tìm một con đường khác để phục hồi vị thế như trước đây. Việc nước Anh thiếu sự tin tưởng vào một tương lai chung châu Âu xuất phát từ sự phát triển của Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu trong Đảng Bảo thủ và một bộ phận lớn người dân Anh. Là một nước hải đảo, Anh từ lâu đã chọn con đường phát triển hướng ra bên ngoài châu Âu. Anh chỉ can dự vào lục địa khi ở đây xảy sự biến làm mất thế cân bằng lực lượng có thể đe dọa đến an ninh của Anh. Thực tế này đã khiến Anh chỉ quan tâm đến khía cạnh quân sự trong quan hệ với các nước châu Âu lục địa hơn kinh tế.

**Từ khóa:** tiến trình nhất thể hóa châu Âu; Vương quốc Anh; Chiến tranh thế giới II

### 1. Đặt vấn đề

Các thành viên của châu Âu gia nhập Liên minh châu Âu (EU) với mục đích rõ ràng và lâu dài. Với Pháp và Đức, hợp tác với châu Âu là một biện pháp để chữa lành những vết thương chiến tranh. Với nước Bỉ nhỏ hơn, thì đây một cơ hội tốt để đạt được vị thế của mình thông qua ngoại giao; còn đối với những nước mới gia nhập gần đây ở Đông Âu, bao gồm Ba Lan, Hungary và Estonia, liên minh này là một sự bảo đảm để chống lại những đe dọa từ nước Nga. Nói cách khác, lợi ích thiết thực cũng chính là một sự chuẩn bị thiết yếu cho hòa bình, đồng thời tạo lập sự cân bằng về địa chính trị, vừa cải thiện môi trường kinh tế của châu Âu, đồng thời phòng ngừa và đẩy lùi bóng ma chiến tranh. Tuy nhiên, nước Anh chưa bao giờ thực sự muốn trở thành một thành viên của tiến trình nhất thể hóa này ngay từ những ngày đầu tiên. Nước Anh có con đường riêng (sự biệt lập tương đối với châu Âu lục địa lại luôn là một đặc trưng truyền thống xuyên suốt lịch sử các chính sách đối ngoại Anh quốc).

---

*Cite this article as:* Phan Van Ca (2023). United Kingdom of Britain and European integration since the second World War. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(4), 663-675.

Trong một phần tư thế kỉ đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có thể thấy rõ hai giai đoạn phản đối việc hội nhập châu Âu của Anh. Sau đó, Anh xin gia nhập liên minh năm 1973 một cách do dự, không nhiệt tình. Tại sao tiến trình nhất thể hóa châu Âu những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai không hấp dẫn người Anh, thậm chí họ lại cảm thấy phiền lòng? Năm 1848, Ngoại trưởng Henry John Temple (Tử tước Palmerston) từng phát biểu trước Hạ Viện Anh rằng: “Chúng ta không có đồng minh vĩnh viễn, chúng ta không có kẻ thù vĩnh viễn. Lợi ích của chúng ta là vĩnh viễn, những lợi ích đó chúng ta có nghĩa vụ tuân theo” (Kasonta, 2015, p.5). Ý tưởng này bao gồm những giá trị nhất định, được công chúng thừa nhận, là chìa khóa để hiểu bản chất và là nền tảng cho thái độ chống châu Âu của người Anh, đồng hành cùng nước này trong suốt lịch sử. Đây là nền tảng cho Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu đang lan tràn trong Đảng Bảo thủ và một bộ phận lớn người dân Anh, từ đó có thể dẫn đến việc Anh bỏ phiếu để ra khỏi EU trong một cuộc trưng cầu dân ý vào năm 2017. Bài viết này tìm hiểu những nhân tố tác động đến quan điểm của nước Anh đối với tiến trình nhất thể hóa châu Âu giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Nước Anh xem mình là ngoài cuộc trong tiến trình nhất thể hóa châu Âu

Việc Vương quốc Anh chọn không tham gia Liên minh châu Âu vào ngày 23/6/2016 không chỉ chấm dứt mối quan hệ rạn nứt kéo dài 43 năm giữa Anh và lục địa, mà còn làm tăng thêm sự bất mãn của người dân Anh đối với các chính sách của EU. Điều đó đã chứng tỏ Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu (*eurocepticism*) vốn xuất hiện trong giới tinh hoa Anh từ rất lâu đã bắt đầu trở thành phổ biến. Trong suốt nhiều thập niên, các chính trị gia Anh nổi tiếng đã thể hiện thái độ khinh thị đối với châu Âu, kết quả là Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu ngày càng phát triển tại Anh. Khái niệm Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu đã phổ biến khắp châu lục, được sử dụng trên tất cả các lĩnh vực, các chủ thể xã hội, các đảng chính trị và các quốc gia trong Liên minh, để mô tả bất kì sự phản đối nào đối với quá trình hội nhập. Mặc dù nguồn gốc của nó bắt nguồn từ thời kì hậu chiến, nhưng kể từ Hiệp ước Maastricht, nó đã trở thành một hiện tượng ngày càng phổ biến trong chính trị châu Âu. Đối với họ, chủ nghĩa hoài nghi châu Âu “thể hiện ý tưởng về sự phản đối ngẫu nhiên hoặc đủ điều kiện, cũng như kết hợp sự phản đối hoàn toàn và không đủ tiêu chuẩn đối với quá trình hội nhập châu Âu” (*Eurocepticism*).

Anthony Forster đã xác định hai hình thức của chủ nghĩa hoài nghi châu Âu là những nhận thức về chủ quyền và bản sắc dân tộc. Những người hoài nghi châu Âu dựa trên chủ quyền tin tưởng một cách cuồng nhiệt rằng nhà nước - dân tộc là cơ sở duy nhất của tính hợp pháp chính trị và do đó nên kiểm soát vận mệnh của chính mình (Forster, 2002, pp.1-9). Bản sắc dân tộc đậm đà liên quan đến chủ nghĩa hoài nghi châu Âu ở tất cả các quốc gia thành viên, như trường hợp của Anh. Khi giới tinh hoa của một quốc gia càng bị chia rẽ và càng có nhiều yếu tố bên trong quốc gia tham gia chống lại hội nhập châu Âu, thì bản sắc dân tộc càng bị coi là độc quyền và không tương thích với bản sắc châu Âu. Các đảng chính trị có

vai trò quyết định trong việc thu hút công chúng và sự bất đồng của họ càng rộng thì bản sắc độc quyền càng được phát huy để chống lại hội nhập châu Âu (Böttger & VanLoozen, 2012, p.326). Cơ sở cho bản sắc dân tộc của Anh được nhìn thấy trong chủ nghĩa ngoại lệ của Anh dựa trên “sự loại bỏ vật lí” khỏi lục địa, cảm giác oán giận Đức sau Thế chiến thứ hai và cuộc đấu tranh để phát triển một bản sắc mới sau khi mất đi đế chế của mình (Böttger & VanLoozen, 2012, p.337). Người Anh nhấn mạnh rằng các quy tắc của liên minh sẽ tấn công vào lối sống tự do của họ cần phải bị đẩy lùi bằng lực lượng tương tự như cuộc xâm lược của Hitler vào năm 1939-1940. Người Anh “e ngại liên minh vì họ buộc phải điều chỉnh những quy tắc về văn hóa và thể chế của họ cho phù hợp với chuẩn mực chung của châu Âu, điều mà họ không thích” (Kasonta, 2015, p.21). Tính chất châu Âu (europeaness) theo cách hiểu của người Anh là bản sắc Anh chỉ là một trong số nhiều bản sắc gần giống nhau. Tuy nhiên, vấn đề của bản sắc vốn không có cơ sở lịch sử - văn hóa thực sự; châu Âu chưa bao giờ là một thực thể thống nhất với những nền văn hóa và lịch sử riêng biệt. Do đó, nó vẫn luôn là khái niệm xa lạ so với bản sắc của người Anh.

Từ góc độ hải đảo, ý tưởng về “châu Âu” như một vũ trụ song song hoặc một thực thể riêng biệt được thể hiện trong quan điểm rằng Anh nằm cạnh châu Âu chỉ là kết quả của sự ngẫu nhiên về địa lí chứ không phải do bất kì mối quan hệ sâu xa nào với lục địa châu Âu. Cảm giác xa cách hay “hòn đảo của tâm trí” đã có từ xa xưa trong lịch sử. Có thể nhận thấy trong thái độ đối với ý tưởng hội nhập châu Âu có sự nghi ngờ mạnh mẽ và đặc biệt nảy sinh từ những rạn nứt lịch sử giữa Anh và lục địa. Tình trạng này có thể bắt nguồn từ khi vua Henry VIII thay thế Nhà thờ Công giáo La Mã bằng một nhà thờ quốc gia Anh giáo. Sau đó, Kháng cách giáo đã thêm một lớp áo mới vào bản sắc dân tộc Anh và cung cấp một sự biện minh mạnh mẽ cho các chính sách đối ngoại tiếp theo của Anh với các quốc gia châu Âu, cũng như việc xác định kẻ thù. Đó là sự khởi đầu của chủ nghĩa dân tộc tôn giáo, đã gạt lục địa sang một bên. Từ nền tảng của bộ quy tắc Tân giáo này mà ý thức về bản sắc dân tộc đã phát triển và hình thành phong trào tự chủ dân tộc. Từ thực tế này, thế kỉ XVII và XVIII đã sinh ra khái niệm về Chủ nghĩa thực dụng Anh. Hiếm có chính trị gia nào tôn vinh huyền thoại mạnh mẽ về sự tách biệt khỏi lục địa châu Âu hơn Hugh Gaitskell - lãnh đạo của Công đảng, khi ông phản đối đơn xin gia nhập EC đầu tiên của Anh, khẳng định rằng “điều đó có nghĩa là sự kết thúc của một nghìn năm lịch sử” (Gowland, 2017, p.22). Ít nhất, trong một lần đọc câu trích dẫn và bài phát biểu nổi tiếng này, Gaitskell đã bày tỏ quan điểm có thể so sánh với quan điểm của John Maynard Keynes khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ nhất: “Nước Anh vẫn đứng bên ngoài châu Âu... châu Âu tách biệt và nước Anh không thuộc về máu thịt của nó” (Gowland, 2017, pp.20-21).

Chủ nghĩa liên bang theo cách diễn giải của Anh có hai biểu hiện chính: nhu cầu thống nhất các lãnh thổ thuộc địa của Anh và nhu cầu duy trì sự thống nhất của đế chế, vốn được coi là một dấu hiệu quan trọng cho thấy sự khác biệt của Anh với châu Âu trong cách xử lí các thuộc địa của mình. Nước Anh theo đuổi lợi ích cụ thể và tạo ra thế giới của riêng mình.

Đối với Anh, thuộc địa đã tạo điều kiện để đưa đến sự hình thành một “nước Anh hiện đại”, thuộc địa đã đưa đến uy quyền và sức mạnh cho Đế quốc Anh. Di sản có ý nghĩa “xây dựng” nằm ngoài ý muốn của thực dân Anh, vốn mang giá trị “phục hưng” đối với thuộc địa. Chính phủ Anh đã cố gắng ràng buộc các thuộc địa trước đây của “Đế quốc mặt trời không bao giờ lặn” trong một tổ chức chính trị là Khối Thịnh vượng chung hay còn gọi là Khối Liên hiệp Anh. Thực tế này đã đưa đến một “ảo tưởng về sự bền vững”, làm cho Anh khác biệt với phần còn lại của châu Âu, vốn bị xáo trộn bởi mớ hỗn độn cách mạng (Kasonta, 2015, p.14). Rõ ràng là việc di cư của một số lượng lớn người Anh ra nước ngoài không chỉ loại bỏ các căng thẳng về dân số quá mức do công nghiệp, thất nghiệp và nghèo đói, “nó cũng tạo ra một cảm giác mới về một cộng đồng người Anh toàn cầu, với những gì sẽ tồn tại với tên gọi Vương quốc Anh” (Colley, 1992, p.189).

Sau năm 1815, quá trình thuộc địa hóa quy mô lớn này cũng dẫn đến việc hình thành một liên minh gồm Anh, Hoa Kỳ và Canada – một nhân tố chính trong ngoại giao thế kỉ XX. Đối với Hoa Kỳ, Anh và các thuộc địa thực sự gắn kết với nhau bằng ngôn ngữ, văn hóa và học thuyết chính trị tự do, tình cảm này được Bá tước Coudenhove Kalergi giải thích một cách hoàn hảo: “Nhưng ngay cả như vậy cũng không chắc chắn rằng Vương quốc Anh sẽ thực sự trở thành một nhân tố của Liên Âu (Pan – Europe); vì về mặt lịch sử và địa lí, Anh thuộc về châu Âu, nhưng nó được liên kết với Bắc Mỹ bằng các mối quan hệ về ngôn ngữ, họ hàng và văn hóa. Những điều này sẽ minh chứng cho việc nước Anh muốn kiếm đồng minh của mình trên Đại Tây Dương hơn – thay vì qua eo biển Anh” (Kalergi, 1926, p.40). Người Anh nhận thức về châu Âu lục địa thường bao gồm sự bất ổn, nền chính trị phi dân chủ và sự yếu kém về quân sự. Do đó, nước Anh chỉ thực sự tìm thấy vận mệnh thực sự của mình khi quay lưng lại với lục địa châu Âu.

Cách diễn đạt chung “Anh và châu Âu” và các ý nghĩa khác nhau gắn liền với khái niệm “châu Âu” trong diễn ngôn chính trị của Anh cho thấy những nghi ngờ đáng kể về thông tin, địa vị và bản sắc châu Âu của Anh. Những nghi ngờ như vậy tìm thấy thể hiện trong truyền thống suy nghĩ lâu đời của “người ngoài cuộc” về “châu Âu” trong chính sách đối ngoại của Anh. Sự phát triển về kinh tế, cùng với nhận thức là “người khác”, người ngoài cuộc là đặc trưng nổi bật của bản sắc Anh so với lục địa châu Âu. Nhà thơ W. H. Auden đã viết: “Nếu tôi nhắm mắt lại và nói từ châu Âu (Europe) với chính mình, thì những hình ảnh mà nó gợi lên có một điểm chung, chúng không thể được gợi lên bằng từ Anh (England)”. George Orwell trước đó đã đưa ra một lưu ý tương tự trong bài tiểu luận nổi tiếng của ông viết trong Blitz năm 1940. Ông lập luận rằng đám đông trong các thị trấn lớn của Anh “với khuôn mặt bầu bĩnh nhẹ nhàng, hàm răng khểnh và cách cư xử hòa nhã, khác với đám đông châu Âu” (Gowland, 2017, p.22).

Winston Churchill là một biểu tượng vĩ đại của Đế quốc Anh, cũng không đánh giá cao lục địa. Tuy nhiên, ông nhận ra rằng sự thống nhất có giới hạn ngược lại có thể mang lại lợi ích cho Đế quốc Anh đang suy tàn. Ý định của ông chủ yếu là phục vụ bản thân và đã có

từ lâu trong diễn ngôn châu Âu của Anh hiện đại. Có một ý tưởng lỗi thời đằng sau nó rằng nước Anh nên đứng ngoài quá trình này với tư cách là một nhạc trưởng mạnh mẽ và kiểm soát quá trình này và sẽ chỉ cho phép những gì có lợi cho mình. Quan điểm của ông về mối quan hệ giữa Anh với châu Âu thể hiện trong một bài báo ông viết cho khán giả Mỹ vào năm 1930: “Mỗi bước đi có xu hướng làm cho châu Âu thịnh vượng hơn và hòa bình hơn đều có lợi cho Anh (...) Chúng tôi nhất định thúc đẩy mọi bước đi trung thực và thiết thực mà các quốc gia châu Âu có thể thực hiện để giảm bớt những rào cản đã chia rẽ họ và nuôi dưỡng lợi ích chung của họ và phúc lợi chung của họ (...) Chúng tôi không thấy gì ngoài những điều tốt đẹp và hi vọng vào một cộng đồng châu Âu giàu có hơn, tự do hơn, hài lòng hơn. Nhưng chúng tôi có ước mơ của riêng mình và nhiệm vụ của riêng mình. Chúng tôi ở châu Âu, nhưng không phải của nó. Chúng tôi được liên kết, nhưng không bao gồm. Chúng tôi quan tâm và liên kết, nhưng không bị cuốn hút” (Churchill, 1976, p.184). Vào năm 1953, Winston Churchill đã tuyên bố: “Chúng tôi đồng hành với châu Âu, nhưng không phải là một phần của nó; chúng tôi có mối liên hệ với châu Âu, nhưng không phải bị hòa vào nó” (Palacio, 2016). Để hỗ trợ cho luận điểm được đề cập ở trên, cũng cần nhớ lại tuyên bố nổi tiếng của Winston Churchill gửi cho Tướng De Gaulle sau khi ông phủ quyết về việc Anh gia nhập EEC: “Mỗi khi chúng tôi phải quyết định giữa châu Âu và biển khơi, chúng tôi sẽ luôn chọn biển khơi. Mỗi khi tôi phải quyết định giữa ngài và Roosevelt, tôi sẽ luôn chọn Roosevelt” (Mangold & Tauris, 2006, p.31).

Như vậy, trong giai đoạn đầu tiên từ năm 1945 đến năm 1961, việc tập trung hoàn toàn vào châu Âu và khả năng Chính phủ Anh tham gia hội nhập siêu quốc gia là điều không tương đối với hầu hết công chúng Anh. Ngay cả sau các cuộc đàm phán Messina bắt đầu vào tháng 6/1955 để tạo tiền đề cho các Cộng đồng Kinh tế, cuộc thảo luận nhỏ diễn ra chỉ giới hạn trong giới tinh hoa chính trị và được nội bộ hóa trong các đảng chính trị lớn tại Westminster và các bộ phận quan trọng của Whitehall. Tuy nhiên, căng thẳng thể hiện rõ ràng trong quan điểm của những người phản đối việc tham gia vào các động thái hướng tới hội nhập siêu quốc gia. Những khác biệt về tầm quan trọng và động cơ trong việc chống lại chủ nghĩa siêu quốc gia rõ ràng trong giai đoạn đầu tiên, được thể hiện đầy đủ hơn trong giai đoạn thứ hai từ năm 1961 (Forster, 2022, p.10).

## **2.2. Mục tiêu của nền ngoại giao Anh sau Chiến tranh thế giới thứ hai**

Chủ đề nổi bật của giai đoạn đầu tiên từ 1945 đến 1961 là chủ nghĩa hoài nghi, một xu hướng được chia sẻ bởi Chính phủ Lao động từ 1945 đến 1951, các Chính phủ Bảo thủ từ 1951 đến 1961, phần lớn các nghị sĩ, cũng như các nhà hoạt động trong đảng của họ. Trong vòng một thập kỉ, vấn đề châu Âu đã trở thành vấn đề hàng đầu trong chương trình nghị sự chính trị, với những hậu quả nghiêm trọng đối với cả quan hệ giữa hai đảng chính, mà còn cả bên trong họ (Forster, 2002, p.10). Ở trong nước, vấn đề chủ quyền và kiểm soát hệ thống chính trị, kinh tế là vấn đề nổi bật trong cuộc tranh luận chính trị. Hệ thống chính trị của Anh đã tồn tại sau chiến tranh một cách nguyên vẹn, không bị ảnh hưởng, không giống như hệ

thống của các nước láng giềng và không có lí do cấp bách nào để làm suy yếu nó hoặc đặt nó dưới một tổ chức siêu quốc gia (Baker & Schnapper, 2015, pp.45-46). Vương quốc Anh có thể cân bằng quyền lực trên lục địa sau chiến tranh một phần thông qua sự chiếm đóng quân sự ở nước Đức. Những lí do ngắn hạn khiến các chính phủ kế tiếp chọn không tham gia những bước đầu tiên hướng tới hội nhập châu Âu vào những năm 1950 – Cộng đồng Than và Thép châu Âu (ECSC), Cộng đồng Phòng thủ châu Âu (EDC) năm 1950 và Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) năm 1957 – thay vào đó, lựa chọn hỗ trợ quá trình từ bên ngoài trong khi khuyến khích hợp tác trong lĩnh vực an ninh (Hiệp ước Brussels) đã được nhiều người biết đến. Sự kết hợp của các yếu tố trong nước và quốc tế trong giai đoạn này làm cho giới tinh hoa của đảng Bảo thủ và Lao động không còn quan tâm đến việc gia nhập các cộng đồng châu Âu nữa. Ít nhất là cho đến khi xảy ra sự cố Suez năm 1956, Vương quốc Anh vẫn tự coi mình là một cường quốc quốc tế đã đánh bại các cường quốc phe Trục, gần như sánh ngang với Hoa Kỳ và Liên Xô – hai siêu cường thực sự nổi lên từ thế chiến thứ hai (Baker & Schnapper, 2015, p.45).

Không giống như các nước láng giềng châu Âu, Vương quốc Anh không bị chiếm đóng cũng như không bị đánh bại trong cuộc xung đột, mặc dù suy yếu nhiều về kinh tế, người Anh vẫn có thể dựa vào đồng bảng Anh như một loại tiền tệ quốc tế dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ. Vương quốc Anh vẫn là một cường quốc đế quốc, ngay cả khi đế chế của nó đang bắt đầu thay đổi vị trí địa chính trị, cho phép tiếp cận các nguồn tài nguyên và khuyến khích triển vọng toàn cầu, đặc biệt là trong thương mại. Các sản phẩm từ Đế chế – Khối thịnh vượng chung được ưu tiên tiếp cận thị trường Anh, một liên kết kinh tế cũng là biểu tượng cho mối quan hệ địa chính trị của họ. Sự tự nhận thức này trái ngược với tầm nhìn về lục địa đang bị tàn phá về kinh tế và chính trị, nơi hợp tác giữa các quốc gia yếu kém có ý nghĩa để xây dựng lại và ngăn chặn nguy cơ chiến tranh trong tương lai (Baker & Schnapper, 2015, p.45).

Lập luận đầu tiên chống lại sự tham gia vào hội nhập châu Âu siêu quốc gia và là lập luận được chia sẻ rộng rãi nhất, tập trung vào vấn đề chủ quyền. Các nước thành viên và những người ủng hộ Hiệp ước Roma 1957 hiểu rằng, để có hòa bình lâu dài và thịnh vượng trên lục địa, mỗi nước phải hy sinh bớt chủ quyền để trao các chủ quyền ấy cho một tổ chức siêu quốc gia, trong đó các nước thành viên hợp tác nhau trên nguyên tắc liên hiệp và cộng sinh. Nước Anh hoài nghi nguyên tắc siêu quốc gia và phê phán mọi giải pháp có ảnh hưởng ít nhiều đến chủ quyền của Anh. Phản ứng của Chính phủ Bevin đối với đề xuất vào năm 1948 để biến Hội đồng châu Âu thành một liên minh chính trị khá điển hình, “tôi không thích điều đó. Khi bạn mở chiếc hộp Pandora đó ra, bạn sẽ thấy nó chứa đầy những con ngựa thành Troy” (Forster, 2002, p.17). Lập luận thứ hai và lập luận này một lần nữa nhận được sự ủng hộ từ cả cánh tả và cánh hữu của hệ thống chính trị, đã bác bỏ hội nhập siêu quốc gia nhưng đồng thời nhấn mạnh mong muốn có được vai trò lãnh đạo của Anh ở châu Âu. Người ta cho rằng chủ nghĩa ngoại lệ của Anh và đặc biệt là trách nhiệm toàn cầu của Anh đòi hỏi

họ phải lãnh đạo châu Âu, cũng như Đế chế – Khối thịnh vượng chung. Ít nhất một phần của sự phản đối Kế hoạch Schuman bắt nguồn từ thực tế là sáng kiến đến từ Paris và Bonn và không đặt Anh vào trung tâm của sự phát triển (Forster, 2002, p.18).

Nhưng điều quan trọng hàng đầu đã ngăn chặn bước chân Anh hội nhập vào châu Âu là nguyên tắc chủ quyền trong một tổ chức siêu quốc gia. Thay vì gia nhập siêu quốc gia (Supranation), Anh chỉ muốn thành lập một khu vực kinh tế thống nhất dựa trên nền tảng liên minh (Confederation). Nhìn một cách tổng thể, chính sách châu Âu của Anh được định hướng đến lợi thế kinh tế hơn là sáng kiến nền tảng về dự án châu Âu như là phương tiện để xây dựng hòa bình lâu dài và bảo vệ các giá trị chung. Suy cho cùng, cách hành xử nước đôi của Anh đối với châu Âu là hệ quả của một tình trạng vô cùng phức tạp, lúc bước đường hội nhập xảy ra đồng thời với quá trình dần dần tan rã của một đế chế hùng mạnh nhất hoàn cầu. Đế chế hùng mạnh nhất trở thành một nước có sức mạnh trung bình và Anh dần dần rơi vào trạng thái khủng hoảng bản sắc. Khi vai trò đại cường quốc mất đi, Anh phải tìm một con đường khác để phục hồi vai trò trước đây. Đó không phải là một bài toán dễ dàng.

Cách tiếp cận của Vương quốc Anh đối với trật tự quốc tế ngay sau chiến tranh là cách tiếp cận của một quốc gia, hầu như là duy nhất ở châu Âu, nơi mà các thể chế dân chủ đã sống sót sau sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngược lại, phần lớn phần còn lại của châu Âu đã bị bỏ hoang, các cấu trúc dân chủ của nó bị Đức Quốc xã phá hoại hoặc, trong trường hợp của Đức và đồng minh của họ – Ý, bị đánh bại và thất sủng. Vương quốc Anh tự coi mình là một cường quốc toàn cầu, vẫn đang tìm kiếm sự lãnh đạo hợp tác với các đồng minh thời chiến của mình. Bài phát biểu tại Zurich của Churchill năm 1946 đã cho thấy nước Anh vẫn có thể coi Liên Xô là một đồng minh trong việc quản lý toàn cầu một cách hòa bình. Tuy nhiên, vài tháng trước đó, tại Memphis, Churchill đã có bài phát biểu Bức màn sắt, mô tả một cách sống động tất cả các thủ đô lớn của miền Đông và miền Trung châu Âu (Berlin, Viên, Bucharest, Sofia, Budapest, Praha và Warsaw) đã rơi vào sự kiểm soát của Liên Xô như thế nào. Churchill đã đưa ra lời cảnh báo của mình về những sự kiện này, theo cách nói của ông, để “bảo vệ tương lai” trước mối đe dọa của một cuộc chiến tranh thế giới mới (Wall, 2020, p.31).

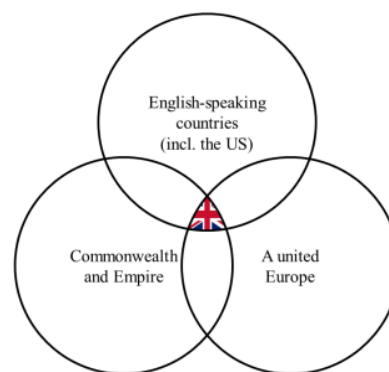
Bài diễn văn của Churchill đã đi vào lịch sử châu Âu như là một làn gió tư tưởng mới để làm cho “giấc mơ gia đình” châu Âu trở thành một ý thức chính trị sống động. Cũng cần lưu ý rằng, khái niệm “lục địa châu Âu” của Churchill bao gồm tất cả các nước châu Âu ngoại trừ Anh. Tại sao? Trong thời hậu chiến, giới lãnh đạo chính trị Anh nói chung và Churchill nói riêng đều xem British Empire như một thực thể độc lập bao gồm hơn 50 nước thuộc địa, với 700 triệu dân, 1/3 tổng sản lượng GDP thế giới, 1/4 diện tích quả đất. Họ đang chuẩn bị thành lập khối thịnh vượng Anh (British Commonwealth) để bảo vệ quyền lợi kinh tế Anh trong tình hình các phong trào giải phóng thuộc địa có thể sớm nổi lên. Nước Anh không có ý định trở thành một thành viên của một liên hiệp châu Âu như Churchill phác họa, mà chính sách đối ngoại của họ đặt nền móng trên lý thuyết ba vòng tròn giao thoa (Three

Circles Model) trong đó Anh sẽ là trung tâm điểm. Chính sách đối ngoại của Anh dựa trên nền tảng lý thuyết ba vòng tròn giao thoa, trong đó khối thịnh vượng Anh là một vòng, quan hệ với hai vòng kia – Hoa Kỳ và lục địa châu Âu – qua những hiệp ước song phương chứ không ràng buộc chủ quyền.

Giới tinh hoa của Anh hi vọng rằng sự suy giảm rõ ràng về nguồn lực vật chất có thể được bù đắp, ít nhất là ở một mức độ nào đó, bằng những gì họ coi là nguồn lực ảnh hưởng quốc tế vô hình và không thể đong đếm được. Churchill lập luận rằng Vương quốc Anh là quốc gia duy nhất ở trung tâm của ba vòng tròn lớn lồng vào nhau gồm châu Âu, Hoa Kỳ và Khối thịnh vượng chung. Chỉ một cam kết của Anh đối với một vòng tròn sẽ phá hủy toàn bộ cấu trúc của thế giới tự do và khả năng chống lại chủ nghĩa cộng sản của nó. Lập luận cho rằng vai trò lãnh đạo quốc tế của Vương quốc Anh chỉ có thể được đảm bảo bằng cách duy trì sự cân bằng then chốt giữa ba vòng tròn. Winston Churchill đã ám chỉ “ba vòng tròn” nổi tiếng của mình trong một bài phát biểu trước các đại biểu tại Hội nghị đảng Bảo thủ vào tháng 10/1948 rằng: “Không có gì đứng giữa châu Âu ngày nay... và hoàn toàn khuất phục chế độ chuyên chế cộng sản ngoài bom nguyên tử mà Mỹ sở hữu... Nếu nghĩ về ba vòng tròn liên kết với nhau, các ngài sẽ thấy rằng chúng ta là quốc gia duy nhất có vai trò quan trọng trong mỗi vòng tròn. Trên thực tế, chúng ta đứng ở trung tâm của đường biển và có lẽ cả đường hàng không, chúng ta có cơ hội kết nối tất cả chúng lại với nhau” (Varsori, 1995, p.155).

Khái niệm ba vòng tròn phản ánh các thành phần thiết yếu đặc trưng cho chính sách của Anh trong giai đoạn được xem xét. Đây là niềm tin vào vị trí và vai trò của Anh trên thế giới với tư cách là cường quốc duy nhất là thành viên hàng đầu của Đế chế - Khối thịnh vượng chung, vòng kết nối của Mỹ và châu Âu: điểm giao nhau duy nhất giữa các vòng kết nối. Vị trí này trao cho Anh quyền lực, và trên thực tế, nghĩa vụ hành động như một cường quốc trong thế giới tự do, bất chấp những khó khăn kinh tế của chính mình, bất chấp sự thống trị ngày càng tăng của các siêu cường chính trị trong hệ thống quốc tế. Ý thức mạnh mẽ về quá khứ, truyền thống và nghĩa vụ trong chính sách đối ngoại càng kết hợp với mong muốn tránh lựa chọn triệt để và hành động thúc đẩy. Như vậy, chìa khóa cho chính sách đối ngoại của Anh trong giai đoạn này là thay vì bị ám ảnh bởi phép ẩn dụ mà Churchill đưa ra vào năm 1947 về ba vòng tròn lồng vào nhau, với nước Anh là trung tâm của ba trung tâm quyền lực: thế giới Đại Tây Dương, Đế chế và Khối thịnh vượng chung, và thế giới Tây Âu. Chỉ sau khi cam kết với Đế chế và Khối thịnh vượng chung và thế giới nói tiếng Anh, Tây Âu mới được coi

*Ba vòng tròn trong chính sách đối ngoại của Anh*





là đầu trường cho sự tham gia của Anh. Các nguyên tắc cơ bản trong chính sách của Anh trong lĩnh vực này đã được chia sẻ giữa các bên: Anh sẽ đóng vai trò lãnh đạo ở Tây Âu, nhưng đứng ngoài sự hợp tác khu vực của châu Âu dựa trên đường lối liên bang (Forster, 2002, p.11).

### 2.3. Thất bại trong dự án châu Âu của riêng Anh

Việc nước Anh gia nhập EEC và thuận theo một chế độ thuế quan thống nhất có nghĩa là chế độ thuế quan ưu đãi giữa Anh với Khối thịnh vượng chung sẽ bị hủy bỏ. Nước Anh thời hậu chiến là một quốc gia đang vật lộn để phục hồi kinh tế. Chính phủ Lao động đã có một chương trình quốc hữu hóa triệt để: đường sắt, thép, than đá và phân phối lại thuế. Dù đất nước gặp rất nhiều khó khăn nhưng Vương quốc Anh vẫn là một cường quốc toàn cầu. Đế chế vẫn tồn tại và hệ thống thương mại của nó (ưu tiên của đế quốc) đã cho Anh đặc quyền tiếp cận thị trường của các nước thành viên và ngược lại. Năm 1951, Hoa Kỳ và sáu quốc gia sáng lập EEC, chiếm tỉ lệ giá trị thương mại của Vương quốc Anh như nhau: 10%. Các quốc gia Khối thịnh vượng chung và các thuộc địa chiếm 55%. Trong khi đó, vào năm 1956, tổng kim ngạch ngoại thương của Anh đối với Khối thịnh vượng chung chiếm 45% và phần của EEC là 15% (Wall, 2020, pp.30-31). Xét về lợi ích chính trị thì nếu như trong Khối thịnh vượng chung, Anh ở vị trí đứng đầu, còn trong khuôn khổ của ECC, Anh phải chấp nhận vị trí ngang hàng với các nước Tây Âu khác.

Giai đoạn từ năm 1948 đến 1951 được xem là bước ngoặt cho các quyết định nghiêng về châu Âu hay Khối thịnh vượng chung trong chính sách đối ngoại của Vương quốc Anh, các thể chế siêu quốc gia so với hợp tác liên chính phủ, chính trị trong nước, quyền tự trị quốc gia, các giá trị Anglo - Saxon và cán cân quyền lực địa đều được đưa ra trong những năm quan trọng này. Ngay cả khi các định chế quốc tế như Liên hợp quốc, IMF, GATT ra đời, suy nghĩ về lưỡng cực đang chi phối những nỗ lực nhằm tạo ra một hệ thống ra quyết định gần như liên bang cho việc thực hiện gói viện trợ Marshall của Mỹ ở Tây Âu đều bị Anh trì hoãn. Tháng 5-1950, Kế hoạch Schuman của Pháp – Tây Đức nhằm kiểm soát chung các ngành công nghiệp than và thép (động lực của chiến tranh) đã được đề xuất do Jean Monnet khởi xướng. Nó đánh dấu sự khởi đầu của phong trào hội nhập siêu quốc gia Tây Âu và định hình Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC). Cùng năm đó, khi Kế hoạch Pleven cho các lực lượng vũ trang hợp nhất Pháp - Đức cũng bị Vương quốc Anh bác bỏ, Bộ Ngoại giao bắt đầu thể hiện thái độ chống đối của Vương quốc Anh đối với tiến trình hội nhập lục địa. Sự xung đột nội bộ trong giai đoạn 1948-1951 đã làm cho Vương quốc Anh xem việc hợp tác với Hoa Kỳ và Khối thịnh vượng chung sẽ mang đến những cơ hội tốt hơn cho nước Anh.

Năm 1957, để làm suy yếu ảnh hưởng của EEC, Anh vận động 18 nước trong Tổ chức Hợp tác Kinh tế (OEEC) thành lập một vùng tự do mậu dịch. Đến 1958, sáng kiến đó không được hưởng ứng sau một năm vận động, nên Anh tìm giải pháp thu nhỏ là thành lập một tổ chức yếu hơn. Từ sau ngày 01/01/1959, các nước EEC sẽ thi hành chính sách thống nhất thuế quan để chống lại các nước ngoài khối. Ngày 04/01/1960, dự án Hiệp hội Mậu dịch Tự

do châu Âu hẹp (European Free Trade Association – EFTA) gồm 7 nước thành viên là: Anh, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Áo, Bồ Đào Nha và Thụy Sĩ chính thức đi vào hoạt động (Tipton & Aldrich, 1990, p.93). Đặc trưng của EFTA là hợp tác về thương mại trên cơ sở tuyệt đối tôn trọng chủ quyền của các nước thành viên về chính sách ngoại thương. Sự phân hóa về tư tưởng trong châu Âu cũng bắt đầu từ đây, giữa một bên là liên hiệp theo nguyên tắc siêu quốc gia do Pháp lãnh đạo, bên kia là hợp tác liên minh trên cơ sở tuyệt đối tôn trọng chủ quyền các quốc gia thành viên, được lãnh đạo bởi Anh (Campos & Coricelli, 2018, p.51).

Bên cạnh đó, việc Anh lãnh đạo bảy nước thành lập EFTA để đối trọng với EEC là một tính toán sai lầm về kinh tế, mặc dù mọi toan tính của EFTA đều xoay quanh lĩnh vực thương mại. Hoạt động của EEC với cơ chế siêu quốc gia tỏ ra là hiệu quả hơn hẳn EFTA vốn dĩ hoạt động với cơ chế liên minh. Tất nhiên là có nhiều nguyên nhân khác tác động, nhưng rõ ràng thị trường chung EEC với cơ chế siêu quốc gia đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao mức tăng trưởng các nước thành viên. Đặc biệt nước Anh có mức tăng trưởng thấp nhất so với các nước khác. Thêm vào đó, tình hình kinh tế suy thoái bắt buộc Anh phải tính toán lại chính sách châu Âu của mình: Các nước thành viên EFTA - kể cả Anh - sau này đều xin gia nhập Cộng đồng châu Âu. Vương quốc Anh bắt đầu đàm phán để gia nhập EEC vào năm 1961. Vào thời điểm đó, khoảng cách GDP bình quân đầu người giữa Vương quốc Anh và mức trung bình của EEC đã giảm xuống còn khoảng 10% (Campos & Coricelli, 2018, pp.51-52).

Trước những thành quả to lớn về kinh tế mà EEC đạt được, Anh phải xem xét lại hành động cô lập của mình. Anh chính thức xin đàm phán về điều kiện gia nhập EEC, mặt dù vẫn luôn bài xích tiến trình nhất thể hóa về chính trị. Thủ tướng Anh Harold Macmillan phải thừa nhận rằng, EFTA không thể cạnh tranh nổi với EEC, nhất là các nước EEC đã đạt sự tăng trưởng kinh tế rất cao. Anh sợ rằng “cuộc hội nhập châu Âu không có Anh có thể biến thành cuộc hội nhập chống lại Anh”, cho nên Macmillan thử tiếp cận để hai tổ chức hợp tác nhau. Thử nghiệm thất bại nên Anh, cũng như bốn nước khác trong EFTA nộp đơn xin gia nhập EEC vào năm 1961, dù vấp phải sự chống đối từ Công đảng Anh với lập luận cho rằng, việc đó không khác nào “chấm dứt 1000 năm lịch sử độc của Vương quốc Anh” (Campos & Coricelli, 2018, pp.51-52).

Khái niệm ba vòng tròn phản ánh cả lợi ích và mưu kế trong chính sách đối ngoại của Anh. Tuy nhiên, Anh chỉ quan tâm đến việc duy trì quyền lực của mình thông qua mối quan hệ với Hoa Kỳ và Khối thịnh vượng chung hơn là quan tâm đến những thách thức đang diễn ra ở Tây Âu từ sau năm 1948. Họ đã hình thành niềm tin cốt lõi trong việc xây dựng một liên minh của thế giới tự do khi nhận thức về mối đe dọa của Liên Xô làm tăng tính cấp bách của nỗ lực xây dựng một nền kinh tế lành mạnh, một mô hình an ninh an toàn và cân bằng quyền lực thuận lợi. Nhưng lịch sử đã sang trang, vì vòng tròn châu Âu giờ đây đã trở thành khu vực trung tâm cho các lợi ích của Anh. Bên cạnh đó, sự suy giảm sức mạnh và vị thế

quốc tế vào những năm 1960, đã khiến Anh thấy mình là một đối tác bất tương xứng với Mỹ, với một Đế chế – Khối thịnh vượng chung đang trong quá trình tan rã.

Trong khi đó, lí thuyết ba vòng tròn giao thoa tỏ ra không có cơ sở thực tế. Khối thịnh vượng chung không tạo được sức mạnh kinh tế và chính trị như Anh mong đợi. Sản lượng kinh tế các nước thuộc địa quá nhỏ so với các nước châu Âu đang trên đà phát triển mạnh. Các nước thuộc địa đều ở lại trong Khối thịnh vượng chung sau khi giành được độc lập, nhưng quan hệ của họ đối với Anh là quan hệ bình đẳng chứ không phải phục tùng mẫu quốc Anh như trước. Khối thịnh vượng chung hàng năm đều họp hành do Nữ Hoàng chủ tọa, nhưng chủ yếu để làm diễn đàn trao đổi ý kiến và chúc tụng lẫn nhau, ít khi họ thỏa thuận với nhau một chính sách chung mang tầm vóc quốc tế. Nói tóm lại, khối thịnh vượng chung quá yếu để đóng vai trò đối trọng và cân bằng quyền lực trong thế kiềng ba chân như Anh dự kiến.

Vương quốc Anh đã thất bại trong việc nắm bắt chính sách ngoại giao thay đổi cuộc chơi ở châu Âu. Chính Pháp đã trở thành nhà lãnh đạo lục địa. Đến năm 1950, nước này đã giành được thế chủ động, khéo léo sử dụng Kế hoạch Schuman và sau đó là EEC để thay thế cho quyền lực của Pháp ở châu Âu. Pháp cũng đang phi thực dân hóa, để chỉ huy EEC làm cơ sở cho một “Euro – Afrique” hậu đế quốc do Pháp thống trị. Vào cuối những năm 1950, Tổng thống Pháp Charles de Gaulle đã hiểu rõ các quyết định chiến lược - văn hóa của Anh về hội nhập châu Âu lục địa, sứ mệnh, văn hóa, thế giới quan của chính Anh và sai lầm trong phán đoán mà nước này đã mắc phải. Ông không hề hối hận về việc đơn phương loại Anh ra khỏi dự án châu Âu với ba quyền phủ quyết của ông đối với Vương quốc Anh vào các năm 1958, 1963 và 1967, bất chấp những nỗ lực lật ngược thế cờ muộn màng của Anh.

### 3. Kết luận

Tiến trình nhất thể hóa không làm cho người Anh phấn khởi. Là một đảo quốc, nước Anh luôn hướng con đường phát triển ra bên ngoài châu Âu. Chính sách cân bằng quyền lực của nước Anh là một điển hình khi cường quốc này khéo léo xoay chuyển thế mạnh của một cường quốc biến thành yếu tố chi phối quan hệ quốc tế ở châu Âu lục địa, hình thành một trật tự vốn có lợi cho cả Đế quốc Anh từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVIII. Một hệ thống quốc tế toàn cầu mới đang được xây dựng cùng với các ý tưởng về việc tạo ra một trật tự khu vực mới có thể khiến một cuộc chiến tranh châu Âu khác là không thể xảy ra. Anh và Mỹ đã đóng vai trò hàng đầu trong việc tạo ra một trật tự thế chế quốc tế toàn cầu thời hậu chiến vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Do vậy, Anh chỉ quan tâm đến khía cạnh quân sự trong quan hệ với các nước châu Âu nhiều hơn là quan hệ kinh tế. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Anh muốn khôi phục và tăng cường địa vị của mình ở châu Âu và tìm cách ngăn chặn việc mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô. Tuy nhiên, do sức mạnh quốc gia có hạn, nước này phải dựa vào sự giúp đỡ của Mỹ. Việc Mỹ cam kết cùng với các nước châu Âu tiến hành phòng thủ châu Âu thông qua NATO làm cho giới chính trị Anh không còn hứng thú với sự nghiệp nhất thể hóa châu Âu nữa, nhất là khi tiến trình đó diễn ra theo chiều hướng gắn nước Anh vào số phận của lục địa. Hơn

nữa, các chính trị gia Anh khác ngoài Macmillan và phần lớn các phương tiện truyền thông Anh trong những năm sau chiến tranh thường coi EC là một công cụ để tạo ra một châu Âu do Pháp thống trị hoặc thường xuyên hơn là một sự nguy trang hữu ích cho sự hồi sinh quyền lực của Đức ở châu Âu (Gowland, 2017, p.29). Anh đã khước từ tiến trình nhất thể hóa châu Âu những thập kỉ đầu tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai cho đến khi cảm thấy lợi ích kinh tế và chính trị của mình bị đe dọa.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số T2022-03.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baker, D., Schnapper, P. (2015). *Britain and the Crisis of the European Union*. Palgrave Macmillan, UK.
- Böttger, K., & VanLoozen, G. (2012). *Euroscepticism and the Return to Nationalism in the Wake of Accession as Part of the Europeanization Process in Central and Eastern Europe*, L'Europe en formation n° 364 Ete 2012.
- Campos, N. F., & Coricelli, F. (2018). *The Economics of UK - EU Relations: From the Treaty of Rome to the Vote for Brexit*. Palgrave Macmillan.
- Churchill, W. S. (1976). *The United States of Europe*, Saturday Evening Post, 15.02.1930, (in) Wolff, M. *The Collected Essays of Sir Winston Churchill*. Library of Imperial History 1976, vol. II.
- Colley, L. (1992). Britishness and Otherness: An Argument. *Journal of British Studies*, 31(4), *Britishness and Europeanness: Who Are the British Anyway?* (October 1992).
- Deighton, A. (2019). Brave New World? Brave Old World? *Contemporary European History*, February 2019, 28(1).
- Euroscepticism. Retrieved from <https://www.populismstudies.org/Vocabulary/euroscepticism/>
- Forster, A. (2002). *Euroscepticism in Contemporary British Politics Opposition to Europe in the British Conservative and Labour Parties since 1945*. Routledge, New York.
- Gowland, D. A. (2017). *Britain and the European Union*. Routledge, New York.
- Kalergi, R. C (1926). *Pan-Europe*. New York.
- Kasonta, A. (2015). *British Euroscepticism*. The Bruges Group, London.
- Mangold, P. (2006). *The Almost Impossible Ally: Harold Macmillan and Charles De Gaulle*, I. B. Tauris, Oxford.
- Palacio, A. (2016). The Causes and Consequences of Brexit. Retrieved from <https://www.project-syndicate.org/commentary/brexit-referendum-uncertainty-by-ana-palacio-2016-02>
- Tipton, F. B., & Aldrich, B. (1990). *An Economic and Social History of Europe: From 1930 to the Present*. The Johns Hopkins University Press, Baltimore.
- Varsori, A. (1995). *Europe 1945-1990s: The End of an Era?* Palgrave Macmillan, UK.
- Wall, S. (2020). *Reluctant European Britain and the European Union from 1945 to Brexit*. Oxford University Press.

**UNITED KINGDOM OF BRITAIN AND EUROPEAN INTEGRATION  
SINCE THE SECOND WORLD WAR**

*Phan Van Ca*

*University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National Unviversity Ho Chi Minh City, Vietnam*

*Corresponding author: Phan Van Ca – Email: hueminhphan@hcmussh.edu.vn*

*Received: February 28, 2023; Revised: March 16, 2023; Accepted: April 27, 2023*

**ABSTRACT**

*This article contributes to explain the factors affecting the United Kingdom of Britain's (UK) attitude towards the process of European integration in the post-World War II period. The UK did not want to be a part of this unification from the first day. From the most powerful empire to a medium power country, the UK gradually fell into a state of identity crisis. When the role of great power was lost, the UK had to find another way to recover its position. The lack of belief in a common European future of the UK stems from the development of Euroscepticism in the Conservative Party as well as a large part of the British people. As an island country, the UK chose to develop outside Europe and was only involved in the continent when there was an occurrence of losing the force balance, which could threaten the UK's security. As a result, the UK was concerned more about the military aspect in the relations with European countries than the economy.*

**Keywords:** European integration; United Kingdom of Britain; World War II